

**TÒA ÁN NHÃ DÃ  
HUYỆN KBANG  
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-ST.**

Ngày: 04/8/2022.

*“V/v: Ly hôn giữa chị S và anh A”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**NHÃ DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÃ DÃ HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Nguyên.

*Các Hội thẩm nhÃ dÃ:*

1. Ông Trần XuÃ Tư.

2. Ông Phan Đình Toàn.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhÃ dÃ (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhÃ dÃ (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 04/8/2022, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhÃ và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 374 Ấ, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Võ Ấ, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

*Chị S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ấ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1. Về quan hệ hôn nhÃ:** Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Huỳnh Võ Ấ qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhÃ, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhÃ dÃ (UBND) xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/5/2006.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhÃ mâu thuẫn theo chị S trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung; anh A là người vô tâm không quan tâm đến gia đình và vợ con, không lo làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, xúc phạm chị S nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, xích mích, xô xát nhau; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải, chị S cũng nhiều lần khuyên can chồng bỏ rượu để vợ chồng hoà thuận nhưng anh A vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã được gần 12 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về phía anh A, anh có quan điểm không đồng ý ly hôn vì cần hỏi hai bên gia đình.

**2. Về con chung:** Chị S và A có 02 con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/3/2007 và Huỳnh Quốc N, sinh ngày 06/11/2008. Sau khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu N cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung. Anh A không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn thì anh cũng đồng ý với đề nghị của chị S về giải quyết nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Chị S và anh A không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:** 01 Giấy TLKH mang tên Nguyễn Thị Thu S và Huỳnh Võ A (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Quốc H (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu S (bản sao) và 02 Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Quốc K và Huỳnh Quốc N (đều là bản sao);

**Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm:** 01 Phiếu thu thập thông tin dân cư (bản chính).

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:** Chị S và anh A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đắk Hlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/5/2006; anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/3/2007 và Huỳnh Quốc N, sinh ngày 06/11/2008. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị S giao nộp là Giấy trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Thị Thu S và Huỳnh Võ A và Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Quốc K và Huỳnh Quốc N.

**Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:** Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 93, 94 và 143, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 2014; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận thuận tình ly hôn của hai đương sự; giao 02 con chung tên Huỳnh Quốc K và Huỳnh Quốc N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi mình, chị S không yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Nguyễn Thị Thu S có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Huỳnh Võ A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị S và anh A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/5/2006 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị S trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; anh A là người vô tâm không quan tâm đến gia đình và vợ con, không lo làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, xúc phạm chị S nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề, không hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, xích mích, xô xát nhau; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoá giải, chị S cũng nhiều lần khuyên can chồng bỏ rượu để vợ chồng hoà thuận nhưng anh A vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay đã được gần 12 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Anh A không đồng ý ly hôn với chị S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ gia đình nhưng anh A luôn vắng mặt trong phiên hòa giải cũng như vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án nên việc động viên, hòa giải cho anh chị không thực hiện được. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh A đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này được thể hiện là anh chị đã sống ly thân với nhau 12 năm nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh A.

[3] **Về con chung:** Chị S và anh A có 02 con chung tên Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/3/2007 và Huỳnh Quốc N, sinh ngày 06/11/2008. Sau khi ly hôn, anh chị đều đề nghị giao cháu K và cháu N cho chị S nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị S không yêu cầu nên anh A không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh chị nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị S và anh A tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị S phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

-- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Huỳnh Võ A.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung là cháu Huỳnh Quốc K, sinh ngày 13/3/2007 và Huỳnh Quốc N, sinh ngày 06/11/2008 cho chị S trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị S không yêu cầu nên anh A không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Về án phí:** Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003475 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị S đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhÃ dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Kbang;
- CCTHADS Kbang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**Lê Văn Nguyên**











**CÁC HỘI THẨM ND**

**THẨM PHÁN-CTPT**





***Nơi nhận:***

-TA tỉnh;

**TÒA**

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Văn Nguyên**